

Bản án số: 90/2020/DS-PT

Ngày: 12 - 5 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Đặng Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Yên Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 126/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm: 1976; địa chỉ cư trú: Lô B1 số 73, khu đô thị , ấp b, xã l, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* 1. Anh La Văn P, sinh năm: 1979 (có mặt).

2. Chị Phạm Thị Bích O, sinh năm 1980 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Số 143 đường L, Khóm 4, Phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Luật sư Huỳnh Công Dung – Văn phòng luật sư Huỳnh Công Dung thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Số 118/12, đường L, Khóm 4, Phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Anh La Văn P và chị Phạm Thị Bích O là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện của nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh V có cho vợ chồng anh La Văn P, chị Phạm Thị Bích O vay tiền nhiều lần (Lần thứ nhất ngày 01/01/2017 cho vay 450.000.000 đồng. Lần thứ hai tháng 3/2018 cho vay 200.000.000 đồng);

tổng cộng tiền vốn là 650.000.000 đồng; lãi suất 03%/tháng. Anh P, chị O trả đủ lãi đến cuối tháng 10/2018 (al) thì ngưng. Ngày 30/01/2019, hai bên gặp nhau ký lại hợp đồng (ghi ngày 01/01/2017), thống nhất số tiền vốn vay là 650.000.000 đồng, không tính lãi, chỉ trả vốn hàng tháng ít nhất 20.000.000đ cho đến khi dứt nợ, thời gian trả vốn từ ngày 01/02/2019. Anh P, chị O trả vốn được 05 đến 06 lần với số tiền 90.000.000 đồng. Anh Nguyễn Thanh V khởi kiện yêu cầu anh La Văn P, chị Phạm Thị Bích O phải trả tổng số tiền vốn và lãi là 597.184.000 đồng, gồm: Vốn gốc là 560.000.0000 đồng, tiền lãi 37.184.000 đồng (thời gian tính lãi từ tháng 8/2019 đến tháng 12/2019, lãi suất 1,66% theo quy định của nhà nước).

Anh La Văn P, chị Phạm Thị Bích O thừa nhận có vay 650.000.000 đồng, lãi suất 03% trên tháng, nhưng không nhận tiền mặt từ anh V, mà là vay của chị Nguyễn Thị H (em ruột anh V). Sau khi vay, anh chị đóng lãi đủ đến cuối năm 2018 thì không còn khả năng thanh toán. Chị H cho rằng số tiền cho vay là của anh V nên kêu anh P, chị O gặp anh V để thỏa thuận. Khi các bên gặp nhau, chị H chuyển nợ vay của anh chị sang nợ anh V. Anh chị có ký hợp đồng thống nhất nợ anh V tổng số tiền 650.000.000 đồng. Anh V đồng ý chỉ nhận lại vốn, không nhận lãi và cho trả dần hàng tháng. Sau đó, anh chị đã trả anh V nhiều lần với tổng số tiền là 90.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải thành ngày 24/12/2019, anh P, chị O thừa nhận còn nợ anh V số tiền vốn 560.000.000 đồng, lãi 37.184.000 đồng, đồng ý trả vốn xin không trả lãi. Đến ngày 25/12/2019, anh P, chị O có văn bản thay đổi ý kiến cho rằng quá trình vay đã đóng lãi cao và trả vốn tổng cộng 460.000.000 đồng, chỉ còn nợ 189.490.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị H trình bày có vay tiền của anh V giùm anh La Văn P, chị Phạm Thị Bích O. Lần đầu vay 450.000.000 đồng; lần hai vay 200.000.000 đồng, không nhớ ngày tháng vay, thỏa thuận lãi suất 03%/tháng, khi vay không viết biên nhận. Quá trình vay anh P, chị O có đóng lãi khoảng 01 năm, không nhớ rõ thời gian và số tiền đóng bao nhiêu. Sau đó, anh P, chị O ngừng đóng lãi, không trả vốn nên chị cho anh P, chị O biết tiền vay là hỏi giùm từ anh V. Chị xác định số tiền anh P chị O vay là của anh V, chị H chỉ hỏi giùm, không hưởng hoa hồng từ việc này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh La Văn P, chị Phạm Thị Bích O thanh toán cho anh Nguyễn Thanh V tổng số tiền 524.479.740đ (Năm trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn kiện đòi bị đơn hoàn trả số tiền 35.520.260 đồng (Ba mươi lăm triệu năm trăm hai mươi ngàn hai trăm sáu mươi đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Nguyễn Thanh V phải nộp 1.776.010 đồng; anh Lê Văn Phát, chị Phạm Thị Bích O phải nộp 14.979.190 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, bị đơn anh La Văn P và chị Phạm Thị Bích O kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do: Không nhận tiền mặt của anh V ngày 01/01/2017. Từ ngày 30/01/2019 anh V đã đồng ý không tính lãi nhưng Tòa tính lãi là không đúng. Yêu cầu hủy án sơ thẩm để xét xử lại đúng sự thật khách quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Nguyễn Thanh V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn trả 560.000.000 đồng vốn và 37.184.000 đồng tiền lãi tính từ tháng 8/2019 đến tháng 12/2019.

Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn kháng cáo yêu cầu: Chấp nhận số tiền vay 650.000.000 đồng theo hợp đồng đã ký với anh V đề ngày 01/01/2017. Yêu cầu tính lại lãi suất 03% đã trả, đối trừ với mức lãi suất nhà nước quy định, phần chênh lệch tiếp tục trừ vào vốn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 11/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Thanh V khởi kiện anh La Văn P, chị Phạm Thị Bích O trả vốn và lãi vay, số tiền 597.184.000 đồng, theo hợp đồng vay ngày 01/01/2017. Cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay*” là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền. Sau xét xử sơ thẩm, bị đơn anh La Văn P, chị Phạm Thị Bích O có kháng cáo trong hạn luật định nên được cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết theo quy định.

[2] Xét nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của bị đơn nhận thấy:

Tại cấp sơ thẩm, các bên đương sự đều xác định có phát sinh giao dịch vay tiền với nhau, với số tiền vay là 650.000.000 đồng. Quá trình vay, Anh V xác định anh P, chị O đã thanh toán vốn được 90.000.000 đồng, còn lại 560.000.000 đồng. Ngày 24/12/2019, Tòa án cấp sơ thẩm hòa giải, các bên thống nhất anh P, chị O chấp nhận sẽ trả cho anh V số tiền vốn 560.000.000 đồng, không tính lãi. Sau đó, bị đơn thay đổi ý kiến không đồng ý thỏa thuận, hòa giải vì cho rằng đã thanh toán lãi cao, nếu điều chỉnh theo lãi suất nhà nước quy định thì chỉ còn nợ 189.490.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh V xác định thời gian cho anh P, chị O vay lần thứ nhất là vào ngày 01/01/2017 với số tiền là 450.000.000 đồng; lần thứ 2 vào tháng 3/2018 số tiền là

200.000.000 đồng, không giao tiền trực tiếp cho anh P, chị O mà giao cho chị H. Các khoản vay anh P, chị O đã đóng lãi đủ (lãi suất 03%) đến ngày 30/10/2018 âm lịch (tức tháng 12/2018 dương lịch). Sau đó, hai bên ký lại hợp đồng ghi ngày 01/01/2017, thỏa thuận không tính lãi, chỉ trả vốn hàng tháng 20.000.000 đồng. Anh P, chị O trả vốn đến tháng 8/2019 được 90.000.000 đồng. Yêu cầu trả tiếp 560.000.000 đồng vốn và tính lãi theo lãi suất nhà nước quy định.

Anh P, chị O khai vay tiền của chị Nguyễn Thị H; lần thứ nhất vào tháng 3/2015, số tiền 400.000.000 đồng; lần thứ 2 vay tháng 01/2016, số tiền 250.000.000 đồng, khi vay không làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận 03% đóng đủ tới 31/12/2018. Đến tháng 01/2019 chị H nói tiền vay là của anh V nên các bên thống nhất ký lại hợp đồng vay ghi ngày vay 01/01/2017. Đến tháng 8/2019 đã trả tiếp được 90.000.000 đồng tiền vốn. Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị hại cho rằng đã nộp lãi cao so với lãi suất nhà nước quy định, yêu cầu tính lại để điều chỉnh trừ vào vốn. Anh P, chị O đồng ý tính lại lãi suất đối với số tiền vay theo hợp đồng ghi vay nợ 650.000.000 đồng từ ngày 01/01/2017 đến tháng 12/2018 để điều chỉnh lãi.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Việc vay nợ của anh P, chị O lúc đầu là giao dịch với chị H (không biên nhận, giấy tờ) là thực tế, được các bên thừa nhận. Đến tháng 01/2019, các bên thống nhất chuyển giao nợ từ chị H sang anh V, thể hiện thông qua hợp đồng vay ghi ngày 01/01/2019 (BL: 60). Thời điểm này, xem như nghĩa vụ trả nợ của anh P, chị O đối với chị H đã được chuyển giao sang đối với anh V. Anh V kiện đòi anh P, chị O trả nợ vay là có căn cứ.

[3.2] Theo hợp đồng thể hiện, số tiền vay 650.000.000 đồng (vay nhiều lần cộng lại), lãi suất 03%/tháng. Thời điểm 30/01/2019, chị O không còn khả năng trả lãi, anh V không thu lãi, nhưng phải trả vốn gốc hàng tháng ít nhất 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Như vậy, căn cứ nội dung hợp đồng cho thấy tại thời điểm 30/01/2019, số tiền vay nợ của anh P, chị O đối với anh V là vay không lãi suất, không kỳ hạn. Do đó, không phát sinh lãi kể từ sau ngày 30/01/2019. Anh V khởi kiện yêu cầu bị đơn trả vốn 560.000.000 đồng và lãi từ tháng 8/2019 đến tháng 12/2019, cấp sơ thẩm tính lãi từ tháng 02/2019 đến ngày xử sơ thẩm tháng 02/2020 ảnh hưởng bất lợi cho bị đơn.

[3.3] Xét về thời gian, số tiền, lãi suất vay, thấy rằng: Hợp đồng ghi tiền vay 650.000.000 đồng (vay nhiều lần). Anh V xác định, lần 01: cho vay 450.000.000 đồng ngày 01/01/2017; lần 2: cho vay 200.000.000 đồng vào tháng 03/2018; lãi suất 03% trên tháng, đã nhận đủ đến tháng 12/2018 dương lịch, bằng 370.500.000 đồng. Anh P, chị O lời khai không nhất quán, về thời gian, số tiền vay, số tiền đã trả lãi. Án sơ thẩm chấp nhận lời khai của nguyên đơn về thời gian và số tiền vay để tính lại lãi suất nhằm xác định số tiền chênh lệch lãi trừ vào vốn là có cơ sở. Tuy nhiên, án sơ thẩm tính lãi anh P, chị O phải trả cho anh V từ ngày 01/02/2019 đến ngày xét xử 11/02/2020 là chưa chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lãi suất và số tiền phải trả như sau:

- Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/01/2019 vốn 450.000.000đ x 1,66%/tháng x 25 tháng = 186.750.000 đồng.

- Từ tháng 3/2018 đến 30/01/2019 vốn 200.000.000đ x 1,66%/tháng x tính tròn 11 tháng = 36.520.000 đồng.

Anh V thừa nhận đã nhận lãi 03% của anh P, chị O là 370.500.000 đồng, cần đối trừ: 370.500.000 – (186.750.000 + 36.520.000) = 147.230.000 đồng.

Sau đó, anh P, chị O đã thanh toán được tiền vốn 90.000.000 đồng, như vậy tổng cộng buộc anh P, chị O còn phải trả cho anh V số tiền: 650.000.000 – (147.230.000 + 90.000.000) = 412.770.000 đồng.

So với yêu cầu khởi kiện số tiền chênh lệch là 560.000.000 – 412.770.000 = 147.230.000 đồng.

[4] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn về phần tính lãi suất, sửa án bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

[5] Do chấp nhận một phần kháng cáo nên anh P, chị O không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh La Văn P và chị Phạm Thị Bích O.

Sửa bản án sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 11/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468; Điều 469 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh La Văn P, chị Phạm Thị Bích O thanh toán cho anh Nguyễn Thanh V tổng số tiền 412.770.000 đồng (Bốn trăm mười hai triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Thanh V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh La Văn P, chị Phạm Thị Bích O không thi hành xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn kiện đòi bị đơn hoàn trả số tiền 147.230.000 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi nghìn đồng).

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Anh Nguyễn Thanh V phải chịu 7.361.500 đồng, ngày 03/12/2019, đã dự nộp tạm ứng án phí 13.943.000 đồng theo biên lai số 0001027 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, phần còn lại anh V được nhận.

Anh La Văn P, chị Phạm Thị Bích O phải chịu 20.510.800 đồng (chưa nộp).

- Án phí phúc thẩm: Anh La Văn P và chị Phạm Thị Bích O không phải chịu, ngày 24/02/2020 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 00486 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được đối trừ án phí sơ thẩm.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trọng Nhân

